

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 30 - 5 - 2022

V/v *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh AG xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1991; Địa chỉ: tổ 8, ấp BK, xã MK, thành phố LX, tỉnh AG(có mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Cẩm T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: tổ 8, ấp BK, xã MK, thành phố LX, tỉnh AG(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MK, thành phố Long Xuyên, tỉnh

AG ngày 10/11/2010, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 127, quyền số 01/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông T thường xuyên uống rượu, cờ bạc. Mặc dù đã khuyên can nhiều lần nhưng ông T không thay đổi nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên cự cãi, đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Do mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà D yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Phan Phúc T1, sinh ngày 19/9/2009 và Phan Ngọc T2, sinh ngày 15/4/2019. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu giao cháu T1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; bà D yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Cẩm T trong quá trình hòa giải, công khai chứng cứ không tham dự nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2022 và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất lời trình bày của bà D về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông bà vẫn hạnh phúc, đôi khi mâu thuẫn chỉ là những chuyện nhỏ trong gia đình, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Do đó, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D vì vẫn còn thương vợ và muốn các con có một gia đình hạnh phúc, có đầy đủ cả cha mẹ.

Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Phan Phúc T1, sinh ngày 19/9/2009 và Phan Ngọc T2, sinh ngày 15/4/2019. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D thì tôi yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 và giao cháu T2 cho bà D nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận; Về con chung: có 02 con chung, tên Phan Phúc T1, sinh ngày 19/9/2009 và Phan Ngọc T2, sinh ngày 15/4/2019. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà D và

ông T về việc sau khi ly hôn giao cháu T1 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu T2 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: không cần giải quyết nên đề nghị không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Phan Cẩm T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Phan Cẩm T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã MK, thành phố Long Xuyên nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung tranh chấp:

[3] Về hôn nhân: Bà D và ông T quen biết nhau do tự tìm hiểu, yêu thương và tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống bà D cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông T thường xuyên uống rượu, không chăm lo cuộc sống gia đình nên hôn nhân không hạnh phúc. Riêng, ông T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ xuất phát từ trong sinh hoạt gia đình nhưng không trầm trọng đến mức ly hôn, ông T xin được hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà D, cùng nhau chăm sóc cho con cái.

Xem xét ý kiến của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phải thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho cuộc hôn nhân hạnh phúc. Hôn nhân giữa bà D và ông T có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Mặc dù Tòa án đã động viên hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng bà D vẫn cương quyết ly hôn, đồng thời ông T cũng không đưa ra bất kỳ giải pháp hay phương thức nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, cả bà D và ông T đều thừa nhận quá trình sống ly thân từ giữa năm 2021 đến nay, điều này cho thấy vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, mỗi người chỉ biết bản thân người đó, bỏ mặc người vợ, người chồng muốn sống ra sao thì sống. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của bà D, ông T không

thể hàn gắn được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên nếu đoàn tụ thì cuộc sống hôn nhân cũng không hạnh phúc. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bà D yêu cầu xin ly hôn đối với ông T.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Phan Phúc T1, sinh ngày 19/9/2009 và Phan Ngọc T2, sinh ngày 15/4/2019. Sau khi ly hôn, bà D ông T thống nhất giao cháu T1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, bà D và T đã thống nhất việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên để tránh sự xáo trộn về tâm lý cũng như thay đổi điều kiện môi trường sống đột ngột và đảm bảo cuộc sống ổn định về tâm sinh lý cho hai cháu, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Phan Phúc T1, sinh ngày 19/9/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Phan Phúc T1, sinh ngày 19/9/2009 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi D là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà D, ông T không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà D, ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ông Phan Cẩm T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D.

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Phan Cẩm T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 127 do Ủy ban nhân dân xã MK, thành phố Long Xuyên, tỉnh AG cấp cho bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Phan Cẩm T, ngày 10/11/2010 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Phan Phúc T1, sinh ngày 19/9/2009 cho ông Phan Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Phan Ngọc T2, sinh ngày 15/4/2019 cho bà Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà D, ông T không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà D, ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về cấp dưỡng: không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001123 ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Phan Cẩm T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- UBND xã MK, TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung

